TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: **75**/2021/HSST
Ngày: 17/11/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Dương Tuấn Anh và Ông Võ Văn Chinh;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Châu, Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Ông Bùi Quang D - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, số 11 Tôn Đ Thắng, thành phố Huế, Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 40/2020/HSST ngày 10/7/2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 276/2020/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 11 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Minh Đ, giới tính: Nam; tên gọi khác: L; sinh ngày 24 tháng 8 năm 1994, tại: Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Không; Nơi cư trú: số 96 Nguyễn Đ C, 29 tổ 19A, phường T, quận H, thành phố Hà Nội. Chỗ ở: Phòng 11 nhà trọ số 03 Nguyễn Khoa V, phường V, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Con ông: Nguyễn Đ Ph; Sinh năm: 1962. Con bà: Đỗ Thị Lan Ph, sinh năm: 1962. Là con đầu trong gia đình có 02 chị em. Vợ, con: chưa có. Tiền án, tiền sự: Không. Quá trình bản thân:

+ Từ nhỏ sinh sống cùng cha mẹ, đi học và ở với gia đình tại số 96 Nguyễn Đ C, 29 tổ 19A, phường T, quận H, thành phố Hà Nội.

+ Tháng 9/2014 đến tháng 8/2016, đi bộ đội tại Trung đoàn 236, Sư đoàn 361 Phòng không không quân Hà Nội.

+ Từ ngày 23/10/2019 đến ngày 09/02/2020: Vào Huế sinh sống và tham gia hoạt động cho vay lãi nặng.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/02/2020 đến ngày 22/4/2020 được thay đổi biện pháp tạm giam bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại, có mặt.

2. Cao Huy T, Giới tính: Nam; Tên gọi khác: không; Sinh ngày 22 tháng 5 năm 1992 tại: Bắc Ninh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: 12/12. Nghề nghiệp: Không. Nơi cư trú: Số 02, ngõ 270 Lê Trọng T, phường K, quận Th, thành phố Hà Nội. Chỗ ở: Phòng 11, nhà trọ số 03 Nguyễn Khoa V, phường V, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Con ông: Cao Huy N, sinh năm: 1965. Con bà: Vũ Minh H, sinh năm: 1971. Là con thứ hai trong gia đình có 03 chị em. Vợ, con: chưa có. Tiền án, tiền sự: Không. Quá trình bản thân:

+ Từ nhỏ sinh sống cùng cha mẹ, đi học và ở tại Số 02, ngõ 270 Lê Trọng T, phường Kh, quận Th, thành phố Hà Nội.

+ Từ ngày 30/10/2019 đến ngày 09/02/2020: Vào Huế sinh sống và tham gia hoạt động cho vay lãi nặng.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/02/2020 đến ngày 22/4/2020 được thay đổi biện pháp tạm giam bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại, có mặt.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Nguyễn Thị Hậu, địa chỉ: 22/33 An Dương Vương, TP Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.
2. Nguyễn Thị Thủy Vân, địa chỉ: 20/30 kiệt 16 Duy Tân, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.
3. Dương Thị Nhi, địa chỉ: 17 Ngô Đ Kế, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.
4. Hoàng Thị Ngọc Oanh, địa chỉ: 26/1 Phạm Văn Đồng, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.
5. Phạm Thị Ngọc Loan, địa chỉ: 230 Bùi Thị Xuân, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.
6. Tôn Nữ Thị Nhung, địa chỉ: 59 Đặng Huy Trứ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.
7. Trương Thị Diệu Hằng, địa chỉ: 33 Lưu Hữu Phước, phường Vĩ Dạ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.
8. Châu Thị Đủ, địa chỉ: 5 Nguyễn Hữu Cảnh, phường An Tây, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.
9. Đặng Lê Hồng Hậu, địa chỉ: B36 KQH Bàu Vá 2, phường Thủy Xuân, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

10. Đặng Lê Hồng Phúc, địa chỉ: 62 Thân Văn Nhiếp, xã Thủy Biều, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

11. Đặng Thị My Ly, địa chỉ: Studio My Ly, Cầu Ngói Thanh Toàn, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế.

12. Dương Đ Trung, địa chỉ: 254/9 Phạm Văn Đồng, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

13. Hoàng Thị Thu Hải, địa chỉ: Ngụy Như Kon Tum, phường Tứ Hạ, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế.

14. Huỳnh Thị Quỳnh Lưu, địa chỉ: 151 Nguyễn Chí Thanh, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

15. Huỳnh Văn Ân, địa chỉ: 16/1 Đặng Văn Ngữ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

16. Lê Hữu Quốc, địa chỉ: 1/36 Dạ Lê, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế.

17. Lê Thái Thuận, địa chỉ: 160 Thái Phiên, 97 Nhật Lệ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

18. Lê Thị Anh Thư, địa chỉ: 228 Phan Chu Trinh, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

19. Lê Thị Minh Hiếu, địa chỉ: 9/230 Bùi Thị Xuân, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

20. Lê Thị Quỳnh Phương, địa chỉ: 56 Nguyễn Khoa Chiêm, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

21. Lê Thị Sen, địa chỉ: 30/01/Bạch Đằng, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

22. Lê Thị Thu Hà, địa chỉ: 9 Lê Hoàn, Tứ Hạ, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế.

23. Lê Thị Thủy, địa chỉ: xã Phú Thượng, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế.

24. Ngô Thị Hương Giang, địa chỉ: 10 Tôn Quang Phiệt, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

25. Ngô Thị Mai, địa chỉ: KQH Bàu Vá 2, phường Thủy Xuân, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

26. Nguyễn Hoàng Hạ Uyên, địa chỉ: 277 Bùi Thị Xuân, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

27. Nguyễn Thị Búp, địa chỉ: 19 Kiệt 15 Hoàng Quốc Việt, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

28. Nguyễn Thị Ngọc Hằng, địa chỉ: 144 Lê Thánh Tôn, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

29. Nguyễn Thị Phương Uyên, địa chỉ: 1/4/75 Yết Kiêu, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

30. Nguyễn Thị S, địa chỉ: 107 Lương Ngọc Quyến, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

31. Nguyễn Thị Thùy Dương, địa chỉ: 13/2 Nguyễn Cư Trinh, thành phố Huế.

32. Nguyễn Thị Thùy Linh, địa chỉ: 1/10/432 Chi Lăng, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

33. Nguyễn Tiến Long, địa chỉ: 37 xóm 3 Lại Thế, xã Phú Thượng, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế.

34. Phạm Đình Huy, địa chỉ: 15 Trần Quốc Toản, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

35. Phạm Thị Ngọc Ánh, địa chỉ: 220 Nguyễn Sinh Cung, thành phố Huế.

36. Phạm Văn Tiến, địa chỉ: 89 Ngự Bình, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

37. Phan Thị Vân Anh, địa chỉ: số 1 Nguyễn Khoa Vy, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

38. Tạ Thị Hạnh, địa chỉ: Thôn Dưỡng Mong, xã Phú Mỹ, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế.

39. Trần Phước Vũ, địa chỉ: 132 Chi Lăng, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

40. 152 Trịnh Công Sơn), thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

41. Trần Quốc Bảo, địa chỉ: 32/48 Ngự Bình, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

42. Trần Thị Mai, địa chỉ: 5/7/185 Nguyễn Chí Thanh, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

43. Trần Thị Mỹ Hảo, địa chỉ: Lô E08 KQH Hương Long, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

44. Trần Thị Phượng, địa chỉ: 16/144 Nguyễn Trãi, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

45. Trần Thị Thanh, địa chỉ: 58/2/13 Đặng Huy Trứ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

46. Trần Thị Thu, địa chỉ: 4/152/17 Nguyễn Hữu Cảnh, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

47. Trần Thị Thùy Trang, địa chỉ: 2/10 Võ Thị Sáu, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

48. Trần Văn Quang, địa chỉ: 95 Nguyễn Tất Thành, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

49. Trương Thị Hạnh, địa chỉ: 432 Chi Lăng, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

50. Trương Thị Thương, địa chỉ: 38 Ngô Gia Tự, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

51. Võ Thị Giao Linh, địa chỉ: 3/36/88 Nguyễn Khoa Chiêm, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

52. Đặng Thị Cúc, địa chỉ: Lô D2 Khu Định Cư Phú Hiệp, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

53. Đỗ Hoàng Lai, địa chỉ: 245 Bùi Thị Xuân, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

54. Lê Bá Quốc Tuấn, địa chỉ: Quán 89c Bà Triệu, phường Xuân Phú, thành phố Huế (hoặc 54 Tố Hữu, phường Xuân Phú, thành phố Huế), tỉnh Thừa Thiên Huế.

55. Lê Thị Hồng Minh, địa chỉ: 15/2 Văn Cao, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

56. Nguyễn Thị Thu Vân, địa chỉ: 252 Bạch Đằng, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

57. Nguyễn Xuân Lam, địa chỉ: 10/10 Hải Triều, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

58. Phạm Thị Giao Tiên, địa chỉ: Tổ 14 Khu Vực 5, phường Vĩ Dạ, thành phố Huế.

59. Phạm Thị Túy, địa chỉ: Kiệt 106 Minh Mạng, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

60. Phan Văn Ly, địa chỉ: 9/48 Phùng Khắc Khoan, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

61. Tôn Thất Đệ, địa chỉ: 52 Minh Mạng, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

62. Trần Thị Hương, địa chỉ: xã Hương Xuân, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế.

63. Trần Thị Thanh Lý, địa chỉ: 3/64 Bà Triệu, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

64. Phan Vũ Thúy Diễm, địa chỉ: 228 Phan Chu Trinh, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

65. Đỗ Thị Hiền, địa chỉ: số 4 Kiệt 152/17 Nguyễn Hiến, phường Thủy Dương, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế .

66. Đoàn Thị Mỹ Hạnh, địa chỉ: 8/4 Nguyễn Gia Thiều, phường Phú Hậu, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

67. Dương Thị Kim Oanh, địa chỉ: 2/498 Chi Lăng, Phường Phú Hậu, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

68. Hà Chi, địa chỉ:20/30 Kiệt 16 Duy Tân, phường An Cựu, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

69. Hồ Lê Ngân Hà, địa chỉ: 17 Ngô Đ Kế, phường Thuận Thành, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

70. Hồ Thị Hường, địa chỉ: 21 Nguyễn Phong Sắc, phường Xuân Phú, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

71. Huỳnh Triều Hoàng My, địa chỉ:44/126 Phạm Văn Đồng, xã Phú Thượng, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế.

72. Lê Quang Thục Quỳnh, địa chỉ: 35/134 Nguyễn Huệ, phường Phú Nhuận, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

73. Lê Thị Thơm, địa chỉ: 335 Nguyễn Sinh Cung, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

74. Nguyễn Thị Huế, địa chỉ: 23 Hoàng Thị Loan, phường An Tây, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

75. Phạm Thị Dung, địa chỉ: 32 Hàn Mặc Tử, phường Vĩ Dạ, thành phố Huế.

76. Trần Thị Tú Trinh, địa chỉ: 145 Hàn Mặc Tử, phường Vĩ Dạ, thành phố Huế.

77. Trần Thị Tuyết Nhi, địa chỉ: Khu vực 11, Tổ 9 phường Thủy Xuân, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

78. Trần Thị Xuân Thủy, địa chỉ: 5 Hoàng Thị Loan, phường An Tây, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

79. Võ Thị Quỳnh Linh, địa chỉ: 150 Nguyễn Chí Thanh, phường Phú Hiệp, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

80. Bùi Thị Lý, địa chỉ: 216 Phạm Văn Đồng, xã Phú Thượng, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế.

81. Bùi Thị Thanh Thùy, địa chỉ: Bao La – Đ Nhuận, xã Quảng Phú, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế.

82. Đặng Thị Yến Nhi, địa chỉ: 192 Nguyễn Chí Thanh, phường Phú Hậu, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

83. Dương Thị Như Ý, địa chỉ: 01 Nguyễn Khoa Vy, phường Vĩ Dạ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

84. Giang Ngọc Trang, địa chỉ: 31/16 Duy Tân, phường Phước Vĩnh, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

85. Hoàng Thị Diễm, địa chỉ: 17 Ngô Đ Kế, phường Thuận Thành, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

86. Hoàng Thị Phương Nhung, địa chỉ: 31/16 Duy Tân, phường Phước Vĩnh, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

87. Lê Thị Mỹ Trang, địa chỉ: 131 Đặng Huy Trứ, phường Trường An, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

88. Lê Thị Trinh Thục, địa chỉ: 3/5/263 Bà Triệu, phường Phú Hội, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

89. Ngô Thị Hằng, địa chỉ: 15 Cao Bá Quát, phường Phú Hiệp, thành phố Huế.

90. Nguyễn Ngọc Bé, địa chỉ: 36/67 Trần Quý Khoáng, phường Hương Sơ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

91. Nguyễn Ngọc Hải, địa chỉ: 10/87 Bùi Thị Xuân, phường Đúc, thành phố Huế.

92. Nguyễn Thị Bé, địa chỉ: 35/65/93 Đặng Huy Trứ, phường Phước Vĩnh, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

93. Nguyễn Thị Hoàng Anh, địa chỉ: Khách sạn Hoàng Anh, 29 Phạm Văn Đồng, phường Vĩ Dạ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

94. Nguyễn Thị Ngọc Linh, địa chỉ: 632 Nguyễn Tất Thành, phường Thủy Phương, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế.

95. Nguyễn Trung Hiếu, địa chỉ: 52 Hồ Đắc Di, phường An Cựu, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

96. Phạm Thị Kim Vui, địa chỉ: Khu quy hoạch Hạ Cồn Trắng, xã Phú Thượng, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế.

97. Phạm Thị Như Quỳnh, địa chỉ: Kiệt 131 Trần Phú, phường Phước Vĩnh, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

98. Trần Quang Hoàng, địa chỉ: 75/5 Bao Vinh, Hương Vinh, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế.

99. Trần Thị Diễm Trang, địa chỉ: 36 Nguyễn Huy Lượng, phường Phú Hậu, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

100. Trần Thị Nguyệt Ánh, địa chỉ: 10 Hùng Vương (trọ P 405), phường Vĩ Dạ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

101. Trần Thị Thương, địa chỉ: 338 Phan Bội Châu, phường Trường An, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

102. Võ Hải Di, địa chỉ: 184/27 Phan Chu Trinh, phường Phước Vĩnh, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

103. Lê Thị Tường Vy, địa chỉ: thôn Thanh Thủy Chánh, xã Thủy Thanh, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế.

104. Trần Thị Hương, địa chỉ: 3/13 Hàn Mặc Tử, phường Vĩ Dạ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế. (Tất cả 104 người đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do biết được nhu cầu của nhiều người dân trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế cần vay vốn để làm ăn, mua sắm, tiêu dùng nhưng không muốn làm hồ sơ, thủ tục vay vốn tại các ngân hàng nên nhóm đối tượng do Hoàng Mạnh S cầm đầu đã tổ chức một đường dây cho vay với lãi suất cao để thu lợi bất chính. Để thực hiện hành vi phạm tội, các đối tượng từ Hà Nội vào Huế thuê nhà ở tại số 08 kiệt 49 đường Nguyễn Hoàng, thành phố Huế, các bị can đã in tờ rơi, card visit và các tờ quảng cáo cho vay tiền rồi đem đi dán ở các nơi công cộng, rãi ở chợ và các khu dân cư, giới thiệu để hưởng phí nhằm thu hút người vay tiền. S tiếp nhận nguồn vốn cho vay từ đối tượng chưa xác định được họ tên (gọi lóng là cấp trên) để cho các người vay trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế với lãi suất rất cao. S giao cho Nguyễn Minh Đ thực hiện việc cho vay ở khu vực phía Nam thành phố Huế, Cao Huy T thực hiện việc cho vay ở khu vực phía Bắc thành phố Huế, từ tháng 10/2019 đến ngày 09/02/2020. Các đối tượng S, Đ, T cho người vay tiền nhưng chỉ với thủ tục thế chấp đơn giản (cho người vay viết giấy vay tiền, chụp ảnh người vay, số điện thoại người vay, kiểm tra thực tế nơi ở để chụp ảnh, rồi giữ giấy CMND hay sổ hộ khẩu hoặc giấy phép lái xe… trước khi cho vay tiền). Tùy vào nhu cầu vay cũng như về khả năng trả nợ của người vay để các đối tượng thỏa thuận cho vay với số tiền vay từ 5 triệu đồng đến 60 triệu đồng.

Sau khi thu được tiền góp của người vay hằng ngày, các bị can tiếp tục sử dụng số tiền này để cho người có nhu cầu vay mới làm thủ tục vay theo các "thỏa thuận" về lãi suất, tiền góp ngày tương ứng với chu kỳ vay mà bọn chúng đã quy định nhằm duy trì hoạt động và phát triển quy mô của đường dây cho vay lãi nặng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế, số tiền lãi thu hằng ngày đều nộp lại cho Hoàng Mạnh S, đến ngày 20/12/2019 thì nộp lại cho Nguyễn Minh Đ và được trích hưởng từ tiền thu phí của người vay, tiền lương hằng tháng tùy theo từng đối tượng. Bị can Nguyễn Minh Đ và Cao Huy T đã sử dụng vào mục đích tiêu xài cá nhân hết.

Căn cứ vào số tiền cho vay, số tiền trả góp hàng ngày của người vay để S, Đ, Tquy định chu kỳ vay (số ngày phải trả góp), tương ứng với tỉ lệ lãi suất cho vay %/năm là từ 121,67% đến 954,62%, vượt quá 05 lần mức lãi suất vay tối đa quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự (không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay) là từ 6,08 lần đến 47,73 lần. Cụ thể bảng kê 1:

Số tiền cho vay (đồng)	**Tiền góp ngày (đồng)**	**Tiền đưa thực tế**	**Chu kỳ vay (ngày)**	**Tổng tiền gốc và lãi phải trả (đồng)**	**Lãi suất năm (%)**	**Số lần vượt quy định của lãi suất**
5.000.000	100.000	3.300.000	50	5.000.000	182,50	**9,12**
6.000.000	100.000	4.800.000	60	6.000.000	121,67	**6,08**
	150.000	4.700.000	40	6.000.000	150,61	**7,53**

	200.000	4.400.000	30	6.000.000	243,33	**12,16**
7.500.000	150.000	4,050.000	50	7.500.000	476,61	**23,83**
8.000.000	200.000	3.300.000	40	8.000.000	640,69	**32,03**
9.000.000	150.000	7.200.000	60	9.000.000	152,08	**7,60**
10.000.000	200.000	5.600.000	50	10.000.000	182,50	**9,12**
	250.000	7.750.000	40	10.000.000	228,13	**11,40**
12.000.000	200.000	8.800.000	60	12.000.000	168,26	**8,41**
	300.000	8.900.000	40	12.000.000	182,50	**9,12**
15.000.000	300.000	5.900.000	50	15.000.000	954,62	**47,73**
18.000.000	300.000	13.500.000	60	15.000.000	168,26	**8,41**
20.000.000	400.000	8.100.000	50	20.000.000	839,89	**41,99**
	500.000	10.300.000	40	20.000.000	242,56	**12,12**
30.000.000	500.000	13.000.000	60	30.000.000	152,08	**7,60**
40.000.000	800.000	19.600.000	50	40.000.000	205,90	**10,29**
50.000.000	1.000.000	22.800.000	50	50.000.000	289,55	**14,47**
60.000.000	1.000.000	35.000.000	60	60.000.000	136,56	**6,82**

Khi có người cần vay thêm tiền hoặc người vay mới thì các đối tượng chủ động lấy tiền thu hồi hàng ngày để quay vòng tiếp tục sử dụng làm vốn để cho người vay mới. Hàng ngày, sau khi thu hồi tiền vay và phát triển người vay mới, các đối tượng tự cân đối số tiền của mình quản lý và nộp lại cho Hoàng Mạnh S và sau ngày 20/12/2019 nộp cho Nguyễn Minh Đ. Hằng ngày, sau khi đi thu tiền thì Đ sẽ gọi điện thoại để báo lại cho S biết. Theo chỉ đạo của S bị can Đ quản lý tiền thu hằng ngày và khoảng 5 ngày sẽ chuyển số tiền lãi từ 25.000.000 đồng đến 35.000.0000 đồng vào tài khoản số: 020035521365 mở tại ngân hàng Sacombank của đối tượng Phạm Tiến D (sinh năm 1987, cư trú tại: 16 ngách 105/7 Bạch Mai, phường Thanh Nhàn, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Hiện đối tượng D không có mặt tại địa phương) qua tài khoản của bị can Cao Huy T cho đối tượng D với số tiền 91.441.000 đồng.

Hàng tháng, các đối tượng Nguyễn Minh Đ, Cao Huy T, được hưởng tiền công từ số tiền lời trong hoạt động cho vay của nhóm để trả tiền thuê nhà, tiền lương, cho Nguyễn Minh Đ từ 5.000.000 đồng/tháng, Cao Huy T là từ 4.000.000 đồng cho đến 5.000.000 đồng/tháng.

Ngoài mức lãi suất theo quy định thì các đối tượng S, Đ, Tthống nhất khi cho người tiêu dùng vay thì các đối tượng còn tự quy định việc thu thêm phí để được hưởng lợi riêng. Tùy vào từng khách hàng mà các đối tượng trực tiếp cho vay thu thêm "Phí làm hồ sơ" từ 100.000 đồng đến 1.000.000 đồng của khách hàng.

Trong khoảng thời gian trên, các đối tượng S, Đ, Tđã cho 143 người vay tiền với tổng cộng 324 hợp đồng vay, với tổng số tiền cho vay là 5.152.200.000 đồng với lãi xuất cho vay từ 121,67%/năm trở lên, thậm chí có những hợp đồng với lãi suất cho vay lên đến 954,62%/năm, các đối tượng đã thu lợi bất chính số tiền là **759.037.575 đồng**. Đến ngày 20/12/2019, Hoàng Mạnh S bàn giao lại toàn bộ chứng từ, sổ sách liên quan đến hoạt động cho vay tại địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế

cho Nguyễn Minh Đ quản lý, chịu trách nhiệm tính toán, chia tiền và nộp lại cho " cấp trên", đồng thời Đ và T cũng là người trực tiếp thực hiện giao dịch với những người có nhu cầu vay tiền để hưởng lợi.

Thống kê từ ngày 23/10/2019 đến ngày 09/02/2020. Bảng kê 2

Số TT	**Đối tượng**	**Tổng số tiền đã cho vay (đồng)**	**Tổng số tiền người vay đã trả (đồng)**	**Số tiền lãi đã trả (đồng)**	**Số tiền gốc đã trả (đồng)**	**Thu lợi bất chính Phần vượt quá từ 20% trở lên (đồng)**
1	Hoàng Mạnh S	1.334.350.000	1.333.150.000	272.220.000	1.060.930.000	241.028.301
2	Nguyễn Minh Đ	2.246.100.000	1.575.050.000	328.506.000	1.246.544.000	291.354.877
3	Cao Huy T	1.571.750.000	1.179.650.000	253.449.000	926.201.000	226.654.397
	Tổng cộng	**5.152.200.000**	**4.087.850.000**	**854.175.000**	**3.233.675.000**	**759.037.575**

BL: 162-173

Trong đó:

+ Tổng số tiền đã cho vay : 5.152.200.000 đồng;

+ Tổng số tiền đã thu nợ từ người vay: 4.087.850.000 đồng;

+ Tổng số tiền lãi thu lợi bất chính sau khi thu nợ: **759.037.575 đồng**;

Ngày 17/4/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thừa Thiên Huế đã ra thông báo số: 327/TB-CSHS về việc thông báo truy tìm người liên quan có vay của nhóm đối tượng S, Đ, T thì liên hệ Cơ quan Cảnh sát điều tra để làm việc. Tuy nhiên, đến nay có 40 người vay liên quan có tên trong nhóm chat "H1 Data khách" được hiểu là hồ sơ của những người vay tiền tại Huế, qua trang Telegram trên mạng Internet vắng mặt khỏi địa phương nên Cơ quan điều tra không thể tiến hành điều tra làm rõ được. Cơ quan điều tra đã tiến hành **trích suất dữ liệu 143 người vay có liên quan đến 324 hợp đồng vay**, bị can Nguyễn Minh Đ, Cao Huy T đều xác nhận các trường hợp vay ghi lưu trong nhóm chat "H1 Data khách" đều là có thực và đều đúng số tiền vay, lãi xuất cho vay và tiền thu lợi bất chính, có căn cứ để thống kê xác định các số liệu thể hiện hoạt động cho vay lãi nặng của cả nhóm.

1. **Bị can Hoàng Mạnh S**:

Bị can S là đối tượng cầm đầu, tiếp nhận nguồn vốn cho vay từ đối tượng cấp trên để cho các người vay trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế, với lãi suất rất cao, bố trí các đối tượng Đ, T thực hiện việc cho vay tín dụng đen trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế từ ngày 23/10/2019 đến ngày 20/12/2019, sau ngày 20/12/2019, Hoàng Mạnh S bàn giao lại toàn bộ hoạt động cho vay tại địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế cho Nguyễn Minh Đ quản lý. Hằng ngày, sau khi đi thu tiền và phát triển người vay mới thì Đ sẽ gọi điện thoại để báo lại cho S biết, chịu trách nhiệm tính toán, chia tiền và nộp lại cho " Cấp trên".

Thống kê từ ngày **23/10/2019** đến ngày **19/12/2019**: Bảng kê 3

Số TT	Đối tượng	Tổng số tiền đã cho vay (đồng)	Tổng số tiền người vay đã trả (đồng)	Số tiền lãi đã trả (đồng)	Số tiền gốc đã trả (đồng)	Thu lợi bất chính Phần vượt quá từ 20% trở lên (đồng)
1	Hoàng Mạnh S	1.334.350.000	1.333.150.000	272.220.000	1.060.930.000	241.028.301
2	Nguyễn Minh Đ	649.100.000	648.700.000	139.570.000	509.130.000	124.311.479
3	Cao Huy T	752.750.000	750.750.000	157.950.000	592.800.000	140.807.068
	Tổng cộng	**2.736.200.000**	**2.732.600.000**	**569.740.000**	**2.162.860.000**	**506.146.848**

Trong đó:

+ Tổng số tiền đã cho vay: 2.736.200.000 đồng;

+ Tổng số tiền đã thu nợ từ người vay: 2.732.600.000 đồng;

+ Tổng số tiền lãi thu lợi bất chính sau khi thu nợ: **506.146.848 đồng**;

Căn cứ tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án, xác định:

Trong khoảng thời gian từ ngày 23/10/2019 đến ngày 19/12/2019, bị can Hoàng Mạnh Svới vai trò là người cầm đầu và trực tiếp giao dịch với người vay, cùng đồng phạm cho vay tổng số tiền: 2.736.200.000 đồng, với biên độ lãi suất cho vay/năm là từ 121,67% - 640,69%/năm.

Tổng số tiền thu lợi bất bất chính là **506.146.848đ** (Năm trăm lẻ sáu triệu, một trăm bốn mươi sáu nghìn, tám trăm bốn mươi tám đồng). Ngoài ra, S đã thỏa thuận để thu phí của người vay số tiền 16.510.000 đồng. (Có bảng kê chi tiết liên quan bị can S kèm theo). (BL: 178-179)

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành triệu tập Hoàng Mạnh S nhưng bị can S vắng mặt khỏi địa phương. Ngày 14/4/2020, Cơ quan điều tra đã tiến hành cho bị can Nguyễn Minh Đ; bị can Cao Huy T và những người liên quan gồm:

1. Chị Trần Thị Mỹ Hảo, sinh năm; 1971, trú tại: E08, khu quy hoạch Hương Long, phương Hương Long, thành phố Huế;

2. Chị Trần Thị Phượng, sinh năm: 1980, trú tại: Số 16 kiệt 144 Nguyễn Trãi, phường Tây Lộc, thành phố Huế;

3. Chị Lê Thị Sen, sinh năm: 1966, trú tại: 30/01 Bạch Đằng, phường Phú Cát, thành phố Huế,

Tất cả đều là những người trực tiếp vay tiền của đối tượng S và anh Trần Văn Thiện, sinh năm: 1990, trú tại 08/11 Nguyễn Phúc Lan, phường Kim Long, thành phố Huế, là chủ nhà cho S thuê, nhận dạng qua ảnh bị can Hoàng Mạnh S.

Kết quả: Những người nhận dạng trên đều khẳng định chính Hoàng Mạnh Slà người đã cùng với bị can Nguyễn Minh Đ, Cao Huy T hoạt động cho vay lãi nặng

trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế từ tháng 10/2019 đến ngày 19/12/2019. (BL 210-247).

Ngày 11/5/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra Quyết định truy nã đối với Hoàng Mạnh S.

2. Bị cáo Nguyễn Minh Đ:

Bị cáo bắt đầu tham gia đường dây cho vay lãi nặng từ ngày 23/10/2019 cùng với bị can Hoàng Mạnh Stại số 08 kiệt 49 Nguyễn Hoàng, phường Hương Long, thành phố Huế để cùng hoạt động cho vay lãi nặng. Bị cáo Đ là người trực tiếp giao dịch với những người có nhu cầu vay tiền trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế. Tháng 12/2019, Đ là người đứng tên để thuê chỗ ở tại phòng 11, nhà trọ Bennie's House, số 03 Nguyễn Khoa V, phường V, thành phố H.

Đồng thời, Đ là người trực tiếp sử dụng số điện thoại: 0941502596 (Đ còn lấy tên khác là Long) để tiếp nhận thông tin cá nhân, địa chỉ, số điện thoại, thu nhập hằng tháng và số tiền muốn vay của những người khi có nhu cầu vay tiền liên hệ. Đ đã dùng điện thoại Iphone 7 có số Imei: 359212071238701 để chụp ảnh sổ hộ khẩu và các giấy tờ khác liên quan đến thông tin của người vay. Sau đó, Đ sẽ đi xác minh người vay nếu xác định đúng nhà cửa, chỗ ở như người vay trình bày, Đ sẽ liên lạc với người vay để ký hợp đồng cho vay tiền. Đ sử dụng tài khoản "***Đ Bông***" để chuyển toàn bộ hồ sơ khách hàng mới vay tiền vào nhóm chat "H1 Data khách" qua trang Telegram trên mạng Internet; Đ báo lại cho S và từ ngày 20/12/2019, Đ trực tiếp liên hệ, gặp trực tiếp để biết nơi ở của người vay tiền, thỏa thuận số tiền vay, số tiền góp hằng ngày, chu kỳ vay, phí làm hồ sơ.

Thống kê từ ngày 23/10/2019 đến ngày 09/02/2020: Bảng kê 4

Số TT	**Đối tượng**	**Tổng số tiền đã cho vay (đồng)**	**Tổng số tiền người vay đã trả (đồng)**	**Số tiền lãi đã trả (đồng)**	**Số tiền gốc đã trả (đồng)**	**Thu lợi bất chính Phần vượt quá từ 20% trở lên (đồng)**
1	Hoàng Mạnh S	1.334.350.000	1.333.150.000	272.220.000	1.060.930.000	241.028.301
2	Nguyễn Minh Đ	2.246.100.000	1.575.050.000	328.506.000	1.246.544.000	291.354.877
3	Cao Huy T	1.571.750.000	1.179.650.000	253.449.000	926.201.000	226.654.397
	Tổng cộng	**5.152.200.000**	**4.087.850.000**	**854.175.000**	**3.233.675.000**	**759.037.575**

Trong đó:

+ Tổng số tiền đã cho vay: 5.152.200.000 đồng;

+ Tổng số tiền đã thu nợ từ người vay: 4.087.850.000 đồng;

+ Tổng số tiền lãi thu lợi bất chính sau khi thu nợ: **759.037.575 đồng;**

Căn cứ tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án, xác định: Trong khoảng thời gian từ ngày **23/10/2019** đến ngày **09/2/2020**, bị cáo Nguyễn Minh Đ là người trực tiếp giao dịch với người vay, cùng đồng phạm S, T, cho vay tổng số tiền:

5.152.200.000 đồng, với biên độ lãi suất cho vay/năm là từ 121,67% - 954,62%/năm.

Tổng số tiền thu lợi bất chính là **759.037.575 đ** (Bảy trăm năm mươi chín triệu, không trăm ba mươi bảy nghìn, năm trăm bảy mươi lăm đồng). Ngoài ra, Đ đã thỏa thuận để thu phí của người vay số tiền **25.450.000 đồng** và hưởng tiền lương trong 04 tháng là **20.000.000 đồng**. (Có bảng kê chi tiết liên quan đến bị can Đ kèm theo; BL: 174-177; 250-300).

3. Bị cáo Cao Huy T:

Bị cáo T bắt đầu tham gia đường dây cho vay này từ ngày 30/10/2019 và ở cùng với Hoàng Mạnh S, Nguyễn Minh Đ tại số 08 kiệt 49 Nguyễn Hoàng, phường Hương Long, thành phố Huế, để cùng hoạt động cho vay lãi nặng. Tháng 12/2019, T là người đứng tên để thuê chỗ ở tại phòng 101, nhà trọ Bennie's House, số 03 Nguyễn Khoa V, phường V, thành phố H. T còn sử dụng tên Trần Công Thiện để thực hiện việc cho vay tiền. Đồng thời, T sử dụng máy điện thoại di dộng Iphone 8 Plus, gắn số điện thoại: 0325764157 để chụp ảnh giấy tờ của người vay tiền, thông tin cá nhân, địa chỉ, số điện thoại, thu nhập hàng tháng, số tiền muốn vay khi có người có nhu cầu vay tiền và T sử dụng tài khoản "Tun Tun" chuyển dữ liệu ảnh vào nhóm chat "H1 Data khách" qua trang Telegram trên mạng Internet. Sau đó, T báo lại cho S và từ ngày 20/12/2019 báo lại cho Đ để thỏa thuận việc cho vay.

Thống kê từ ngày **30/10/2019** đến ngày **09/02/2020**: Bảng kê 5

Số TT	**Đối tượng**	**Tổng số tiền đã cho vay (đồng)**	**Tổng số tiền người vay đã trả (đồng)**	**Số tiền lãi đã trả (đồng)**	**Số tiền gốc đã trả (đồng)**	**Thu lợi bất chính Phần vượt quá từ 20% trở lên (đồng)**
1	Hoàng Mạnh S	1.121.100.000	1.119.900.000	230.220.000	889.680.000	204.271.233
2	Nguyễn Minh Đ	2.173.100.000	1.502.050.000	307.206.000	1.194.844.000	271.681.726
3	Cao Huy T	1.571.750.000	1.179.650.000	253.449.000	926.201.000	226.654.397
	Tổng cộng	**4.865.950.000**	**3.801.600.000**	**790.875.000**	**3.010.725.000**	**702.607.356**

Trong đó:

+ Tổng số tiền đã cho vay: 4.865.950.000 đồng;

+ Tổng số tiền đã thu nợ từ người vay: 3.801.600.000 đồng;

+ Tổng số tiền lãi thu lợi bất chính sau khi thu nợ: **702.607.356 đồng;**

Căn cứ tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án, xác định:

Trong khoảng thời gian từ ngày 30/10/2019 đến ngày 09/02/2020, bị cáo Cao Huy T với vai trò là người trực tiếp giao dịch với người vay, cùng đồng phạm S, Đ, cho vay tổng số tiền 4.865.950.000 đồng, với biên độ lãi suất cho vay/năm là từ 121,67% - 954,62%.

Tổng số tiền thu lợi bất chính là 702.607.356 đồng (Bảy trăm lẻ hai triệu, sáu trăm lẻ bảy nghìn, ba trăm năm mươi sáu đồng). Ngoài ra, T đã thỏa thuận để thu phí của người vay số tiền 20.550.000 đồng và hưởng tiền lương trong 03 tháng là 13.500.000 đồng. (Có bảng kê chi tiết liên quan đến bị can T kèm theo). (BL180-181; 301-348).

Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra đã xác minh và tiến hành làm việc được 103 người vay (Có 40 người vay vắng mặt khỏi địa phương), trong đó có 40 người vay không yêu cầu nhận lại tiền, 50 người vay phải nộp lại tiền và 13 người vay yêu cầu nhận lại tiền. Cụ thể như sau:

Danh sách người vay (50 người) phải nộp lại tiền gốc đã vay chưa trả: Bảng kê 6

STT	HỌ TÊN	ĐỊA CHỈ	SỐ TIỀN VAY	TỔNG SỐ TIỀN ĐÃ TRẢ	SỐ TIỀN NGƯỜI VAY PHẢI NỘP LẠI	ĐỐI TƯỢNG CHO VAY
01	Nguyễn Thị Hậu	22/33 An Dương Vương, TP Huế	24,000,000đ	11,400,000đ	8,511,014đ	Nguyễn Minh Đ
02	Nguyễn Thị Thủy Vân	20/30 kiệt 16 Duy Tân, thành phố Huế	72,000,000đ	56,800,000đ	3,687,233đ	Hoàng Mạnh S
03	Dương Thị Nhi	17 Ngô Đ Kế	41,000,000đ	32,000,000đ	618,082đ	Cao Huy T
04	Hoàng Thị Ngọc Oanh	26/1 Phạm Văn Đồng	48,000,000đ	39,200,000đ	549,589đ	Cao Huy T
05	Phạm Thị Ngọc Loan	230 Bùi Thị Xuân	27,000,000đ	19,200,000đ	3,176,986đ	Cao Huy T
06	Tôn Nữ Thị Nhung	59 Đặng Huy Trứ	24,000,000đ	17,800,000đ	1,661,589đ	Nguyễn Minh Đ
07	Trương Thị Diệu Hằng	33 Lưu Hữu Phước	12,500,000đ	7,000,000đ	3,235,616đ	Nguyễn Minh Đ
08	Châu Thị Đủ	5 Nguyễn Hữu Cảnh	84,000,000đ	63,600,000đ	5,272,767đ	Nguyễn Minh Đ/ Hoàng Mạnh S
09	Đặng Lê Hồng Hậu	B36 KQH Bàu Vá 2	5,000,000đ	500,000đ	3,510,959đ	Cao Huy T
10	Đăng Lê Hồng Phúc	Lô B36 KQH Bàu Vá 2	78,000,000đ	62,500,000đ	726,027đ	Cao Huy T/ Hoàng Mạnh S
11	Đặng Thị My Ly	Studio My Ly, Cầu Ngói Thanh Toàn	12,000,000đ	8,800,000đ	826,630 đ	Nguyễn Minh Đ
12	Dương Đ Trung	254/9 Phạm Văn Đồng	12,000,000đ	7,200,000đ	2,931,507đ	Nguyễn Minh Đ
13	Hoàng Thị Thu Hải	Ngụy Như Kon Tum	22,000,000đ	15,400,000đ	2,358,247đ	Cao Huy T/ Hoàng Mạnh S

14	Huỳnh Thị Quỳnh Lưu	151 Nguyễn Chí Thanh	61,000,000 đ	43,200,000đ	6,204,813đ	Cao Huy T
15	Huỳnh Văn Ân	16/1 Đặng Văn Ngữ	34,000,000đ	22,600,000đ	4,743,671đ	Nguyễn Minh Đ
16	Lê Hữu Quốc	1/36 Dạ Lê	10,000,000đ	7,800,000đ	370,959đ	Nguyễn Minh Đ
17	Lê Thái Thuận	160 Thái Phiên, 97 Nhật Lệ	24,000,000 đ	13,400,000đ	6,559,781đ	Cao Huy T
18	Lê Thị Anh Thư	228 Phan Chu Trinh	84,000,000đ	56,400,000đ	11,842,027đ	Nguyễn Minh Đ
19	Lê Thị Minh Hiếu	9/230 Bùi Thị Xuân	54,000,000 đ	43,800,000 đ	552,000đ	Hoàng Mạnh S/ Nguyễn Minh Đ
20	Lê Thị Quỳnh Phương	56 Nguyễn Khoa Chiêm	18,000,000đ	12,000,000đ	2,409,041đ	Nguyễn Minh Đ
21	Lê Thị Sen	30/01/Bạch Đằng	60,000,000đ	45,600,000đ	3,235,699đ	Hoàng Mạnh S/ Nguyễn Minh Đ
22	Lê Thị Thu Hà	9 Lê Hoàn, Tứ Hạ	96,000,000đ	76,200,000đ	3,213,041đ	Cao Huy T
23	Lê Thị Thủy	Phú Thượng Phú Vang	12,000,000đ	7,800,000đ	2,342,466đ	Nguyễn Minh Đ
24	Ngô Thị Hương Giang	10 Tôn Quang Phiệt	36,000,000đ	22,000,000 đ	6,766,575đ	Nguyễn Minh Đ
25	Ngô Thị Mai	KQH Bàu Vá 2	30,000,000đ	19,200,000đ	4,995,123đ	Cao Huy T
26	Nguyễn Hoàng Hạ Uyên	277 Bùi Thị Xuân	42,000,000đ	30,900,000đ	2,795,781đ	Cao Huy T/ Nguyễn Minh Đ
27	Nguyễn Thị Búp	19 Kiệt 15 Hoàng Quốc Việt	36,000,000 đ	29,100,000đ	1,081,315đ	Nguyễn Minh Đ
28	Nguyễn Thị Ngọc Hằng	144 Lê Thánh Tôn	42,000,000đ	24,600,000đ	9,346,685đ	Cao Huy T/ Nguyễn Minh Đ
29	Nguyễn Thị Phương Uyên	1/4/75 Yết Kiêu	5,000,000đ	300,000đ	3,706,575đ	Nguyễn Minh Đ
30	Nguyễn Thị S	107 Lương Ngọc Quyến	39,500,000đ	32,300,000đ	364,110đ	Cao Huy T
31	Nguyễn Thị Thùy Dương	13/2 Nguyễn Cư Trinh	32,000,000đ	25,750,000đ	2,586,438đ	Hoàng Mạnh S
32	Nguyễn Thị Thùy Linh	1/10/432 Chi Lăng	30,000,000đ	21,200,000đ	3,264,658đ	Cao Huy T
33	Nguyễn Tiến Long	37 xóm, Lại Thế	24,000,000đ	19,200,000đ	499,726đ	Nguyễn Minh Đ
34	Phạm Đình Huy	15 Trần Quốc Toản	36,000,000 đ	22,000,000đ	7,682,192đ	Cao Huy T
35	Phạm Thị Ngọc Ánh	220 Nguyễn Sinh Cung	99,000,000đ	41,500,000đ	35,625,808đ	Nguyễn Minh Đ

36	Phạm Văn Tiến	89 Ngự Bình	25,500,000đ	12,150,000đ	8,536,685đ	Nguyễn Minh Đ
37	Phan Thị Vân Anh	1 Nguyễn Khoa Vy	51,000,000đ	34,200,000đ	5,979,507đ	Nguyễn Minh Đ
38	Tạ Thị Hạnh	Phú Mỹ-Phú Vang	25,000,000đ	10,900,000đ	7,731,123đ	Cao Huy T
39	Trần Phước Vũ	132 Chi Lăng (Gara oto 152 Trịnh Công Sơn)	116,000,000đ	79,000,000đ	14,198,904đ	Cao Huy T
40	Trần Quốc Bảo	32/48 Ngự Bình	54,000,000đ	40,500,000đ	197,534đ	Hoàng Mạnh S
41	Trần Thị Mai	5/7/185 Nguyễn Chí Thanh	20,000,000đ	10,600,000đ	5,632,329đ	Cao Huy T
42	Trần Thị Mỹ Hảo	E08 KQH Hương Long	24,000,000đ	16,400,000đ	3,231,342đ	Hoàng Mạnh S/ Nguyễn Minh Đ
43	Trần Thị Phượng	16/144 Nguyễn Trãi	48,000,000đ	38,400,000đ	878,466đ	Hoàng Mạnh S/ Nguyễn Minh Đ
44	Trần Thị Thanh	58/2/13 Đặng Huy Trứ	36,000,000đ	22,000,000đ	7,172,055đ	Nguyễn Minh Đ
45	Trần Thị Thu	4/152/17 Nguyễn Hữu Cảnh	66,000,000đ	50,400,000đ	3,405,589đ	Nguyễn Minh Đ
46	Trần Thị Thùy Trang	2/10 Võ Thị Sáu	84,000,000đ	61,000,000đ	8,927,945đ	Nguyễn Minh Đ
47	Trần Văn Quang	95 Nguyễn Tất Thành	27,000,000đ	12,600,000đ	8,610,411đ	Cao Huy T
48	Trương Thị Hạnh	432 Chi Lăng	180,000,000đ	112,000,000đ	38,007,123đ	Cao Huy T
49	Trương Thị Thương	38 Ngô Gia Tự	30,000,000đ	20,600,000đ	3,851,507đ	Nguyễn Minh Đ
50	Võ Thị Giao Linh	3/36/88 Nguyễn Khoa Chiêm	12,000,000đ	7,000,000đ	2,736,767đ	Nguyễn Minh Đ

BL: 650-854

Danh sách người vay (13 người) yêu cầu nhận lại tiền lãi đã trả vượt mức 20%/năm. Bảng kê 7:

STT	HỌ TÊN	ĐỊA CHỈ	SỐ TIỀN VAY	TỔNG SỐ TIỀN ĐÃ TRẢ	SỐ TIỀN NGƯỜI VAY ĐƯỢC NHẬN LẠI	ĐỐI TƯỢNG CHO VAY
01	Đặng Thị Cúc	Lô D2 Khu Định Cư	27,500,000đ	22,100,000đ	5,686,301 đ	Nguyễn Minh Đ
02	Đỗ Hoàng Lai	245 Bùi Thị Xuân, TP.Huế.	48,000,000đ	41,600,000đ	1,696,219 đ	Nguyễn Minh Đ

03	Lê Bá Quốc Tuấn	Quán: 89c Bà Triệu, 54 Tố Hữu, TP.Huế.	60,000,000đ	60,000,000đ	10,421,918 đ	Nguyễn Minh Đ
04	Lê Thị Hồng Minh	15/2 Văn Cao, Xuuan Phú, TP.Huế.	102,000,000đ	93,300,000đ	7,427,726 đ	Hoàng Mạnh S/ Nguyễn Minh Đ
05	Nguyễn Thị Thu Vân	252 Bạch Đằng	6,000,000đ	6,000,000đ	1,145,479 đ	Hoàng Mạnh S
06	Nguyễn Xuân Lam	10/10 Hải Triều, An đông, TP.Huế.	17,500,000đ	16,700,000đ	2,973,973 đ	Nguyễn Minh Đ
07	Phạm Thị Giao Tiên	Tổ 14 Khu Vực 5, Vỹ dạ, TP.Huế.	54,000,000đ	45,600,000đ	895,397 đ	Nguyễn Minh Đ/ Hoàng Mạnh S
08	Phạm Thị Túy	Kiệt 106 Minh Mạng, TP.Huế.	40,000,000đ	34,400,000đ	1,646,027 đ	Hoàng Mạnh S/ Nguyễn Minh Đ
09	Phan Văn Ly	9/48 Phùng Khắc Khoan	12,000,000đ	12,000,000 đ	2,084,384 đ	Hoàng Mạnh S
10	Tôn Thất Đệ	52 Minh Mạng, TP.Huế.	48,000,000đ	48,000,000 đ	7,511,233 đ	Nguyễn Minh Đ
11	Trần Thị Hương	Hương Xuân, Hương Trà	12,000,000đ	12,000,000 đ	2,290,959 đ	Cao Huy T
12	Trần Thị Thanh Lý	3/64 Bà Triệu, TP.Huế	72,000,000đ	72,000,000 đ	10,027,397 đ	Hoàng Mạnh S
13	Phan Vũ Thúy Diễm	228 Phan Chu Trinh, TP. Huế	30.000.000 đ	24.300.000 đ	71,945 đ	Nguyễn Minh Đ

BL: 985-1031

Về vật chứng của vụ án: Trong quá trình điều tra đã thu giữ các tài liệu, đồ vật từ Nguyễn Minh Đ:

1. 01 (một) sổ hộ khẩu Nguyễn Văn Sơn, SN: 1989, thôn PaHy, xã Hồng Hạ, huyện A Lưới.

2. 01 (một) sổ hộ khẩu Lê Bá Quốc Tuấn, SN: 1987, 89C Bà Triệu, Xuân Phú, thành phố Huế.

3. 01 (một) bản phô tô sổ hộ khẩu Trần Thị Mão – 6/12 Phan Văn Trị, Tây Lộc, thành phố Huế.

4. 01 (một) bản phô tô sổ hộ khẩu Lê Thị Lòng – 14/01 kiệt 423 Chi Lăng, thành phố Huế.

5. 01 (Một) bản phô tô sổ hộ khẩu Đặng Thị Liên – TDP 02 thị trấn Chư Sê, huyện Chư Sê, Gia Lai.

6. 01 (Một) tờ giấy mượn tiền ghi bên mượn Trần Thị Thu ở 4/125/17 Nguyễn Hữu Cảnh, Thủy Dương, Hương Thủy.

7/ 01 (Một) tờ giấy mượn tiền ghi bên mượn Trần Minh Tuấn có CMND số: 191290820.

8. 01 (Một) tờ phô tô CMND tên Phạm Thị Ngọc Loan.

9. 01 (Một) Chứng minh nhân dân số 191891730 tên Võ Thị Giao Linh.

10. 01 (Một) Chứng minh nhân dân số 191594854 tên Lê Bá Quốc Tuấn.

11. 01 (Một) Chứng minh nhân dân số 191429684 tên Nguyễn Thị Phương Uyên.

12. 01 (Một) Chứng minh nhân dân số 191346056 tên Lê Thị Thúy.

13. 01 (Một) Chứng minh nhân dân số 192025807 tên Hoàng Thị Diễm.

14. 01 (Một) giấy khai sinh tên Nguyễn Trần Vân Khánh – 02/9/2014.

15. 01 (Một) giấy khai sinh tên Nguyễn Trần Anh Quốc – 12/12/2017.

16. 01 (Một) giấy đăng ký xe máy Biển kiểm soát: 75F1-18422.

17. 01 (Một) điện thoại Iphone Imei: 358369065563345.

18. 01 (Một) điện thoại Iphone 7 số Imei: 359212071238701.

19. 01 (Một) điện thoại Iphone 7 số Imei: 355841080557695.

20. 01 (Một) xe mô tô biển kiểm soát: 75F1-18422.

21. 01 (Một) Chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Minh Đ.

22. Số tiền 9.450.000 đ (Chín triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

Tang vật thu giữ từ Cao Huy T:

1. 01 (Một) điện thoại di động HUAWEI màu đen, model: ANE-LX1.

2. 01 (Một) điện thoại di động Iphone 8 Plus màu đen.

3. 01 (Một) xe máy Wave màu xanh, biển số: 75H7-0401.

4. 01 (Một) con dao màu đỏ, phần lưỡi có ghi V105B.

5. 01 (Một) giấy đăng ký mô tô, xe máy mang tên Phan Nhật Minh, biển số: 75H7-0401.

6. 01 (Một) giấy chứng minh nhân dân mang tên Cao Huy T.

7. 01 (Một) thẻ căn cước công dân mang tên Vũ Minh Hiếu.

8. 01 (Một) thẻ ngân hàng TECHCOMBANK.

9. 01 (Một) thẻ ngân hàng VISA-TECHCOMBANK.

10. Số tiền 2.950.000đ (Hai triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng).

Xe máy Honda Wave biển số: 75H7-0401, màu xanh, số máy: HC09E-0408490, số khung: HC09013Y-408350 có chủ sở hữu đứng tên là anh Phan Nhật Minh, trú tại: Tổ 24, KV5, phường Vỹ Dạ, thành phố Huế (Hiện anh Minh vắng mặt tại địa phương). Xe máy này do bị can Cao Huy T sử dụng để hoạt động cho vay lãi nặng hằng ngày.

Xe máy Honda biển số: 75F1-184.22, màu đen – bạc, số máy: C52E-4462061, số khung: 215CY-305370 có chủ sở hữu đứng tên là chị Trần Thị Mỹ Lan, SN: 1969, trú tại: 59 Phạm Đình Hổ, phường Thuận Lộc, thành phố Huế. Năm 2018, chị Lan đã bán xe máy này với giá 6.000.000đ (Chị Lan không biết nhân thân, lai lịch người mua xe). Xe máy này do Nguyễn Minh Đ sử dụng để hoạt động cho vay lãi nặng hằng ngày.

Bị can Hoàng Mạnh Ssau khi gây án đã bỏ trốn, cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra quyết định truy nã. Do đã hết thời hạn điều tra vụ án nhưng chưa bắt được bị can

S nên ngày 14/6/2020, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thừa Thiên Huế ra Quyết định tách vụ án, tạm đình chỉ điều tra bị can, khi nào bắt được sẽ xử lý sau.

Đối tượng Phạm Tiến D, quá trình điều tra xác minh do có liên quan đến bị can S, cơ quan điều tra tiếp tục xác minh khi nào có căn cứ xử lý sau.

Đối tượng Vũ Minh Hiếu, ngày 07/02/2020 đi theo bị can Đ, Tđể làm quen hoạt động cho vay lãi nặng nhưng chưa được hưởng lợi, chưa có tiền án, tiền sự liên quan đến hành vi cho vay lãi nặng nên cơ quan điều tra ra quyết định xử lý hành chính là có căn cứ.

Tại bản cáo trạng số 21/CT-VKS-P1 ngày 08/7/2020, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã truy tố các bị cáo Nguyễn Minh Đ và Cao Huy T về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đề nghị:

Xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo trong vụ án, nhận thấy:

- Về nhân thân: Các bị cáo đều có nhân thân tốt và chưa có tiền án, tiền sự.

- Tình tiết tăng nặng TNHS: Quá trình thực hiện tội phạm các bị cáo đã có sự phân công, cấu kết chặt chẽ với nhau để thực hiện tội phạm, nên phạm vào tình tiết "phạm tội có tổ chức" quy định tại điểm a khoản 1 Điều 52 BLHS.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Riêng bị cáo Đ có thời gian tham gia và hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ qui định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Quá trình điều tra cũng như phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên liên quan và các chứng cứ, tài liệu đã thu thập trong quá trình điều tra. Như vậy, có đầy đủ các chứng cứ, tài liệu chứng minh các bị cáo Nguyễn Minh Đ và Cao Huy T phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự", với tổng số tiền thu lợi bất chính là **759.037.575 đồng**, nên đã phạm vào khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Đối với bị can Hoàng Mạnh Ssau khi gây án đã bỏ trốn, cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra quyết định truy nã. Do đã hết thời hạn điều tra vụ án nhưng chưa bắt được bị can S nên ngày 14/6/2020, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thừa Thiên

Huế ra Quyết định tách vụ án, tạm đình chỉ điều tra bị can, khi nào bắt được sẽ xử lý sau.

Xét vai trò, tính chất, mức độ hành vi phạm tội, cũng như hậu quả do bị cáo gây ra; xét đặc điểm về nhân thân, tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, đề nghị HĐXX TAND tỉnh Thừa Thiên Huế:

* Về trách nhiệm hình sự:

- Áp dụng khoản 2 và khoản 3 Điều 201 BLHS, điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS, điểm a khoản 1 Điều 52 BLHS đề nghị xử phạt đối với bị cáo Nguyễn Minh Đ từ 07 tháng đến 08 tháng tù và cấm hành nghề liên quan đến hoạt động cho vay tài sản từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng.

- Áp dụng khoản 2 và khoản 3 Điều 201 BLHS; điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS, điểm a khoản 1 Điều 52 BLHS đề nghị xử phạt đối với bị cáo Cao Huy T từ 06 tháng đến 07 tháng tù và cấm hành nghề liên quan đến hoạt động cho vay tài sản từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng.

* Về trách nhiệm dân sự:

- Đối với khoản tiền gốc các bị cáo bỏ ra cho 143 người vay tiền với tổng cộng 324 hợp đồng vay, với tổng số tiền là 5.152.200.000 đồng được xác định đây là phương tiện phạm tội và khoản tiền do phạm tội mà có, nên cần tịch thu sung công nhà nước. Tuy nhiên, đến thời điểm ngày 09/02/2020 các bị cáo mới thu được tổng số tiền là 4.087.850.000 đồng (trong đó: tiền gốc là 3.233.675.000 đồng, tiền lãi 854.175.000 đồng). Do bị can Hoàng Mạnh Sbỏ trốn chưa bắt được, nên cần truy thu và buộc bị cáo Đ, Tphải nộp lại số tiền gốc và lãi là 4.087.850.000 đồng.

- Đối với số tiền các bị cáo thu phí của người vay được xác định đây là phương tiện phạm tội, nên cần tịch thu sung công nhà nước, với tổng số tiền là 62.510.000 đồng (gồm bị cáo: S 16.510.000 đồng, Đ 25.450.000 đồng và T 20.550.000 đồng). Do bị can Hoàng Mạnh S bỏ trốn chưa bắt được, nên truy thu và buộc các bị cáo Đ và T phải nộp lại số tiền 62.510.000 đồng.

- Đối với khoản tiền lương là các bị các được hưởng, xác định đây là số tiền do các bị cáo phạm tội mà có nên truy thu sung công nhà nước. Do vậy, buộc các bị cáo phải nộp lại số tiền, gồm: bị cáo Đ 20.000.000 đồng, bị cáo T 13.500.000 đồng.

- Đối với số người vay chưa trả tiền gốc được xác định đây là phương tiện phạm tội, nên buộc các người vay phải nộp lại để sung công nhà nước, với tổng số tiền là 666.992.630 đồng. Trong đó có 50 người vay xác định được và cam kết nộp lại số tiền 104.019.232 đồng, gồm: Nguyễn Thị Hậu 8.511.014 đồng, Nguyễn Thị Thủy Vân 3.687.233 đồng, Dương Thị Nhi 618.082 đồng, Hoàng Thị Ngọc Oanh

549.589 đồng, Phạm Thị Ngọc Loan 3.176.986 đồng, Tôn Nữ Thị Nhung 1.661.589 đồng, Trương Thị Diệu Hằng 3.235.616 đồng, Châu Thị Đủ 5.272.767 đồng, Đặng Lê Hồng Hậu 3.510.959 đồng, Đặng Lê Hồng Phúc 726.027 đồng, Đặng Thị My Ly 826.630 đồng, Dương Đ Trung 2.931.507 đồng, Hoàng Thị Thu Hải 2.358.247 đồng, Huỳnh Thị Quỳnh Lưu 6.204.813 đồng, Huỳnh Văn Ân 4.743.671 đồng, Lê Hữu Quốc 370.959 đồng, Lê Thái Thuận 6.559.781 đồng, Lê Thị Anh Thư 11.842.027 đồng, Lê Thị Minh Hiếu 552.000 đồng, Lê Thị Quỳnh Phương 2.409.041 đồng, Lê Thị Sen 3.235.699 đồng, Lê Thị Thu Hà 3.213.041 đồng, Lê Thị Thủy 2.342.466 đồng, Ngô Thị Hương Giang 6.766.575 đồng, Ngô Thị Mai 4.995.123 đồng, Nguyễn Hoàng Hạ Uyên 2.795.781 đồng, Nguyễn Thị Búp 1.081.315 đồng, Nguyễn Thị Ngọc Hằng 9.346.685 đồng, Nguyễn Thị Phương Uyên 3.706.575 đồng, Nguyễn Thị S 364.110 đồng, Nguyễn Thị Thùy Dương 2.586.438 đồng, Nguyễn Thị Thùy Linh 3,264,658 đồng, Nguyễn Tiến Long 499,726 đồng, Phạm Đình Huy 7.682.192 đồng, Phạm Thị Ngọc Ánh 35.625.808 đồng, Phạm Văn Tiến 8.536.685 đồng, Phan Thị Vân Anh 5.979.507 đồng, Tạ Thị Hạnh 7.731.123 đồng, Trần Phước Vũ 14.198.904 đồng, Trần Quốc Bảo 197.534 đồng, Trần Thị Mai 5.632.329 đồng, Trần Thị Mỹ Hảo 3.231.342 đồng, Trần Thị Phượng 878.466 đồng, Trần Thị Thanh 7.172.055 đồng, Trần Thị Thu 3.405.589 đồng, Trần Thị Thùy Trang 8.927.945 đồng, Trần Văn Quang 8.610.411 đồng, Trương Thị Hạnh 38.007.123 đồng, Trương Thị Thương 3.851.507 đồng, Võ Thị Giao Linh 2.736.767 đồng. Đối với số tiền vay còn lại không xác định của những người không có mặt ở địa phương, nên chưa có căn cứ để truy thu.

- Xử buộc các bị cáo phải trả lại tiền lãi đã thu vượt quá 20%/ năm cho 13 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, có yêu cầu trả lại theo qui định pháp luật.

* Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung công quỹ những vật chứng dùng làm phương tiện phạm tội và do phạm tội mà có.

-Trả lại cho các bị cáo những vật chứng không liên quan đến tội phạm.

* Về án phí: Cần buộc các bị cáo phải chịu theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Thừa Thiên Huế, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Thừa Thiên Huế, Kiểm sát viên

trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không ai có ý kiến, khiếu nại gì về vấn đề này nên các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa, tất cả những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt; đây là lần vắng mặt lần thứ ba, các bị cáo đã nhận được quyết định đưa vụ án ra xét xử và nhiều lần nhận được thông báo lịch xét xử vụ án nhưng đã nhiều lần có đơn xin hoãn phiên tòa, lý do bị ốm, gia đình ở trong vùng dịch Covid-19 nên không thể đến phiên tòa được; thời điểm hiện nay tại nhiều địa phương tiếp tục đang diễn biến phức tạp do dịch bệnh covid-19, số lượng người có quyền lợi liên quan vụ án đông và nhiều lần không đến phiên tòa. Các bị cáo có ý kiến đề nghị Hội đồng tiến xét xử vắng mặt những người này; Đại diện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vắng mặt người có quyền lợi liên quan vụ án theo qui định pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy, quá trình điều tra đã có lời khai của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, sự vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử, do đó căn cứ vào Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự, tiếp tục tiến hành xét xử vụ án theo đề nghị của các bị cáo và của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[3]. Về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa, các bị cáo đều khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận của các bị cáo là thống nhất, phù hợp với lời khai của các bị cáo và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tại Cơ quan Điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận:

Do biết được nhu cầu của nhiều người dân trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế cần vay vốn để làm ăn, mua sắm, tiêu dùng nhưng không muốn làm hồ sơ, thủ tục vay vốn tại các ngân hàng nên nhóm đối tượng do Hoàng Mạnh S cầm đầu đã tổ chức một đường dây cho vay với lãi suất cao để thu lợi bất chính. Để thực hiện hành vi phạm tội, các đối tượng từ Hà Nội vào Huế thuê nhà ở tại số 08 kiệt 49 đường Nguyễn Hoàng, thành phố Huế, các bị can đã in tờ rơi, card visit và các tờ quảng cáo cho vay tiền rồi đem đi dán ở các nơi công cộng, rãi ở chợ và các khu dân cư, giới thiệu để hưởng phí nhằm thu hút người vay tiền. S tiếp nhận nguồn vốn cho vay từ đối tượng chưa xác định được họ tên (gọi lóng là cấp trên) để cho các người vay trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế với lãi suất rất cao. S giao cho Nguyễn Minh Đ thực hiện việc cho vay ở khu vực phía Nam thành phố Huế, Cao Huy T thực hiện việc cho vay ở khu vực phía Bắc thành phố Huế, từ tháng 10/2019 đến ngày 09/02/2020. Các đối tượng S, Đ, T cho người vay tiền nhưng chỉ với thủ tục thế chấp đơn giản như: Cho người vay viết giấy vay tiền, chụp ảnh người vay, số điện thoại người vay, kiểm tra thực tế nơi ở để chụp ảnh, rồi giữ giấy CMND hay sổ hộ khẩu hoặc giấy phép lái xe… trước khi cho vay tiền. Tùy vào nhu cầu vay

cũng như về khả năng trả nợ của người vay để các đối tượng thỏa thuận cho vay với số tiền vay từ 05 triệu đồng đến 60 triệu đồng.

Sau khi thu được tiền góp của người vay hằng ngày, các bị cáo tiếp tục sử dụng số tiền này để cho người có nhu cầu vay mới làm thủ tục vay theo các "thỏa thuận" về lãi suất, tiền góp ngày tương ứng với chu kỳ vay mà bọn chúng đã quy định nhằm duy trì hoạt động và phát triển quy mô của đường dây cho vay lãi nặng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế, số tiền lãi thu hằng ngày đều nộp lại cho Hoàng Mạnh S, đến ngày 20/12/2019 thì nộp lại cho Nguyễn Minh Đ và được trích hưởng từ tiền thu phí của người vay, tiền lương hằng tháng tùy theo từng đối tượng. Bị can Nguyễn Minh Đ và Cao Huy T đã sử dụng vào mục đích tiêu xài cá nhân hết.

Căn cứ vào số tiền cho vay, số tiền trả góp hàng ngày của người vay để S, Đ, Tquy định chu kỳ vay (số ngày phải trả góp), tương ứng với tỉ lệ lãi suất cho vay %/năm là từ 121,67% đến 954,62%, vượt quá 05 lần mức lãi suất vay tối đa quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự (không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay) là từ 6,08 lần đến 47,73 lần.

Khi có người cần vay thêm tiền hoặc người vay mới thì các đối tượng chủ động lấy tiền thu hồi hàng ngày để quay vòng tiếp tục sử dụng làm vốn để cho người vay mới. Hàng ngày, sau khi thu hồi tiền vay và phát triển người vay mới, các đối tượng tự cân đối số tiền của mình quản lý và nộp lại cho Hoàng Mạnh Svà sau ngày 20/12/2019 nộp cho Nguyễn Minh Đ. Hằng ngày, sau khi đi thu tiền thì Đ sẽ gọi điện thoại để báo lại cho S biết. Theo chỉ đạo của S bị can Đ quản lý tiền thu hằng ngày và khoảng 05 ngày sẽ chuyển số tiền lãi từ 15.000.000 đồng đến 25.000.0000 đồng vào tài khoản số: 020035521365 mở tại ngân hàng Sacombank của đối tượng Phạm Tiến D (sinh năm 1987, cư trú tại: 16 ngách 105/7 Bạch Mai, phường Thanh Nhàn, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Hiện đối tượng D không có mặt tại địa phương) qua tài khoản của bị cáo Cao Huy T cho đối tượng D với số tiền 91.441.000 đồng.

Hàng tháng, các bị cáo Nguyễn Minh Đ, Cao Huy T, được hưởng tiền công từ số tiền lãi trong hoạt động cho vay của nhóm để trả tiền thuê nhà, tiền lương, cho Nguyễn Minh Đ từ 5.000.000 đồng/tháng, Cao Huy T là từ 4.000.000 đồng cho đến 5.000.000 đồng/tháng.

Ngoài mức lãi suất theo quy định thì các đối tượng S, Đ, Tthống nhất khi cho người tiêu dùng vay thì các đối tượng còn tự quy định việc thu thêm phí để được hưởng lợi riêng. Tùy vào từng khách hàng mà các đối tượng trực tiếp cho vay thu thêm "Phí làm hồ sơ" từ 100.000 đồng đến 1.000.000 đồng của khách hàng.

Trong khoảng thời gian trên, các đối tượng S, Đ, Tđã cho 143 người vay tiền với tổng cộng 324 hợp đồng vay, với tổng số tiền cho vay là 5.152.200.000 đồng với lãi xuất cho vay từ 121,67%/năm trở lên, thậm chí có những hợp đồng với lãi suất cho vay lên đến 954,62%/năm, các đối tượng đã thu lợi bất chính số tiền là **759.037.575 đồng**. Đến ngày 20/12/2019, Hoàng Mạnh S bàn giao lại toàn bộ chứng từ, sổ sách liên quan đến hoạt động cho vay tại địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế

cho Nguyễn Minh Đ quản lý, chịu trách nhiệm tính toán, chia tiền và nộp lại cho "cấp trên", đồng thời Đ và Tcũng là người trực tiếp thực hiện giao dịch với những người có nhu cầu vay tiền để hưởng lợi.

Bị cáo Nguyễn Minh Đ bắt đầu tham gia đường dây cho vay lãi nặng từ ngày 23/10/2019 cùng với bị can Hoàng Mạnh Stại số 08 kiệt 49 Nguyễn Hoàng, phường Hương Long, thành phố Huế để cùng hoạt động cho vay lãi nặng. Bị cáo Đ là người trực tiếp giao dịch với những người có nhu cầu vay tiền trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Tháng 12/2019, Đ là người đứng tên để thuê chỗ ở tại phòng 11, nhà trọ Bennie's House, số 03 Nguyễn Khoa V, phường V, thành phố H. Đồng thời, Đ là người trực tiếp sử dụng số điện thoại: 0941502596 (Đ còn lấy tên khác là L) để tiếp nhận thông tin cá nhân, địa chỉ, số điện thoại, thu nhập hằng tháng và số tiền muốn vay của những người khi có nhu cầu vay tiền liên hệ. Đ đã dùng điện thoại Iphone 7 có số Imei: 359212071238701 để chụp ảnh sổ hộ khẩu và các giấy tờ khác liên quan đến thông tin của người vay. Sau đó, Đ sẽ đi xác minh người vay nếu xác định đúng nhà cửa, chỗ ở như người vay trình bày, Đ sẽ liên lạc với người vay để ký hợp đồng cho vay tiền. Đ sử dụng tài khoản "***Đ Bông***" để chuyển toàn bộ hồ sơ khách hàng mới vay tiền vào nhóm chat "H1 Data khách" qua trang Telegram trên mạng Internet; Đ báo lại cho S và từ ngày 20/12/2019, Đ trực tiếp liên hệ, gặp trực tiếp để biết nơi ở của người vay tiền, thỏa thuận số tiền vay, số tiền góp hằng ngày, chu kỳ vay, phí làm hồ sơ.

Căn cứ tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án, xác định:

1. Đối với Nguyễn Minh Đ:

Trong khoảng thời gian từ ngày 23/10/2019 đến ngày 09/02/2020, bị cáo Nguyễn Minh Đ là người trực tiếp giao dịch với người vay, cùng đồng phạm S, T, cho vay tổng số tiền: 5.152.200.000 đồng, với biên độ lãi suất cho vay/năm là từ 121,67% - 954,62%/năm.

Tổng số tiền thu lợi bất chính là **759.037.575 đ** (Bảy trăm năm mươi chín triệu, không trăm ba mươi bảy nghìn, năm trăm bảy mươi lăm đồng), trong đó của Đ là **271.681.726**. Ngoài ra, Đ đã thỏa thuận để thu phí của người vay số tiền **25.450.000 đồng** và hưởng tiền lương trong 04 tháng là **20.000.000 đồng**. (Có bảng kê chi tiết liên quan đến bị can Đ kèm theo). (BL: 174-177; 250-300).

Như vậy, tiền thu lợi bất chính dùng để xem xét trách nhiệm hình sự đối với Nguyễn Minh Đ cùng đồng phạm là: **759.037.575 đ** (trong đó phần cụ thể của Đ là 317.131.726 đồng).

2. Đối với Cao Huy T:

Bị cáo T bắt đầu tham gia đường dây cho vay này từ ngày 30/10/2019 và ở cùng với Hoàng Mạnh S, Nguyễn Minh Đ tại số 08 kiệt 49 Nguyễn Hoàng, phường Hương Long, thành phố Huế, để cùng hoạt động cho vay lãi nặng. Tháng 12/2019, T là người đứng tên để thuê chỗ ở tại phòng 101, nhà trọ Bennie's House, số 03 Nguyễn Khoa V, phường V, thành phố H. T còn sử dụng tên Trần Công Thiện để thực hiện việc cho vay tiền. Đồng thời, T sử dụng máy điện thoại di động Iphone 8 Plus, gắn số điện thoại: 0325764157 để chụp ảnh giấy tờ của người vay tiền, thông

tin cá nhân, địa chỉ, số điện thoại, thu nhập hàng tháng, số tiền muốn vay khi có người có nhu cầu vay tiền và T sử dụng tài khoản "Tun Tun" chuyển dữ liệu ảnh vào nhóm chat "H1 Data khách" qua trang Telegram trên mạng Internet. Sau đó, T báo lại cho S và từ ngày 20/12/2019 báo lại cho Đ để thỏa thuận việc cho vay.

Căn cứ tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án, xác định: Trong khoảng thời gian từ ngày 30/10/2019 đến ngày 09/02/2020, bị cáo Cao Huy T với vai trò là người trực tiếp giao dịch với người vay, cùng đồng phạm S, Đ, cho vay tổng số tiền 4.865.950.000 đồng, với biên độ lãi suất cho vay/năm là từ 121,67% - 954,62%.

Tổng số tiền thu lợi bất chính là 702.607.356 đồng (Bảy trăm lẻ hai triệu, sáu trăm lẻ bảy nghìn, ba trăm năm mươi sáu đồng); trong đó của T là **226.654.397**. Ngoài ra, T đã thỏa thuận để thu phí của người vay số tiền **20.550.000 đồng** và hưởng tiền lương trong 03 tháng là **13.500.000 đồng**. (Có bảng kê chi tiết liên quan đến bị can T kèm theo). (BL180-181; 301-348).

Như vậy, tiền thu lợi bất chính dùng để xem xét trách nhiệm hình sự đối với Cao Huy T cùng đồng phạm là: **759.037.575 đ** (trong đó phần cụ thể của T là 260.704.397 đồng).

Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra đã xác minh và tiến hành làm việc được 103 người vay (Có 40 người vay vắng mặt khỏi địa phương), trong đó có 40 người vay không yêu cầu nhận lại tiền, 50 người vay phải nộp lại tiền và 13 người vay yêu cầu nhận lại tiền.

Hành vi cho vay với mức lãi suất gấp 5 lần lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính số tiền từ trên 100.000.000 đồng trở lên của các bị cáo Nguyễn Mạnh S, Minh Đ và Cao Huy T đã phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" đã phạm vào khoản 2, Điều 201 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã truy tố các bị cáo tại bản cáo trạng số 21/CT-VKS-P1 ngày 08/7/2020 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4]. Xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của các bị cáo thấy rằng:

Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi cho vay với lãi suất cao (trên 5 lần lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự) là vi phạm pháp luật hình sự, nhưng do ý thức chấp hành pháp luật kém và vì hám lợi, nên vẫn cố ý thực hiện tội phạm.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương, gây bức xúc trong quần chúng nhân dân, nên cần xử lý nghiêm mới đảm bảo tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

Đây là vụ án cho vay lãi nặng có tổ chức xảy ra trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế, gây hậu quả xấu cho tình hình an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Các bị cáo là người địa phương khác đến, ít thông thuộc địa bàn, nhưng để hoạt động có hiệu quả, các bị cáo đã có sự chuẩn bị, phân công, giao nhiệm vụ cho từng người một cách chặt chẽ, cụ thể như sau:

- Đối với Đối với Nguyễn Minh Đ: Bị cáo là người được đối tượng Nguyễn Mạnh S giao trực tiếp điều hành hoạt động của đường dây cho vay lãi nặng; quản lý sổ sách hoạt động cho vay, quản lý cất giữ tiền hoạt động của cả nhóm và hàng tháng báo cáo kết quả thu chi, kết quả cho vay, tiền lãi và thanh toán tiền thu lời còn lại với S. Ngoài ra, bị cáo Đ còn trực tiếp thực hiện hành vi cho vay lãi nặng thời gian dài, thu lợi bất chính tổng cộng: **317.131.726 đồng**; do đó, Nguyễn Minh Đ phải chịu trách nhiệm chính với vai trò đồng phạm giúp sức trong vụ án.

- Đối với Cao Huy T: Bị cáo là người có vai trò tích cực sau Nguyễn Minh Đ, bị cáo T là người đứng tên để thuê nhà trọ ở để hoạt động cho vay; đồng thời là người trực điện thoại để khách vay liên hệ khi cần. Sau khi nhận yêu cầu của khách hàng, T báo lại cho S và từ ngày 20/12/2019 báo lại cho Đ để thỏa thuận việc cho vay.

Ngoài ra, T còn trực tiếp giao dịch cho vay và thu nợ rất nhiều người để thu lợi bất chính trên địa bàn thành phố Huế. Do đó Cao Huy T phải chịu trách nhiệm hình sự với vai trò thứ hai sau Nguyễn Minh Đ với vai trò đồng phạm giúp sức trong vụ án; trong đó phần thu lợi bất chính của T là **260.704.397 đồng**.

- Đối với đối tượng chủ mưu, cầm đầu vụ án Hoàng Mạnh Sdo bỏ trốn, cơ quan điều tra đã ra lệnh truy nã. Vì vậy, khoản thu lợi bất chính của S là: **204.271.233 đồng** khi nào bắt được sẽ xử lý theo qui định pháp luật.

- Đối tượng Phạm Tiến D (sinh năm 1987, cư trú tại: 16 ngách 105/7 Bạch Mai, phường Thanh Nhàn, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Hiện đối tượng D không có mặt tại địa phương) chưa xác định được căn cứ nên chưa có cơ sở xử lý.

- Đối với đối tượng Vũ Minh Hiếu đã bị Cơ quan cảnh sát Điều tra quyết định xử lý hành chính là có căn cứ pháp luật.

[5]. Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của các bị cáo thấy rằng:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo Nguyễn Minh Đ và Cao Huy T đã phạm vào tình tiết tăng nặng phạm tội có tổ chức được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự;

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo Nguyễn Minh Đ và Cao Huy T được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Nguyễn Minh Đ có thời gian tham gia quân đội nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ qui định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6]. Về biện pháp tư pháp:

- Đối với khoản tiền gốc bỏ ra các bị cáo dùng để cho 143 người vay tiền với tổng cộng 324 hợp đồng vay, với tổng số tiền là **5.152.200.000 đồng** được xác định đây là phương tiện phạm tội và khoản tiền do phạm tội mà có, cần phải tịch thu sung công nhà nước. Tuy nhiên, đến thời điểm ngày 09/02/2020 các bị cáo mới thu được tổng số tiền là 4.087.850.000 đồng (trong đó: tiền gốc là 3.233.675.000 đồng, tiền lãi 854.175.000 đồng).

Do bị can Hoàng Mạnh Sbỏ trốn chưa bắt được, số tiền gốc ban đầu không xác định được, các bị cáo là những người làm thuê, phạm tội với vai trò giúp sức để hưởng lương hàng tháng và số tiền thu được hàng tháng đã nộp cho "cấp trên" hiện nay các đối tượng này không xác định được, nên không có căn cứ tịch thu. Do đó, không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết như ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

- Buộc các bị cáo phải nộp lại số tiền lãi thu mức trên 20%/năm của những người vay để sung vào ngân sách nhà nước.

- Buộc những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải nộp lại số tiền gốc mà các bị cáo đã cho vay nhưng chưa trả hoặc trả chưa đủ để sung vào ngân sách nhà nước.

- Buộc các bị cáo phải trả lại số tiền thu lợi bất chính cho những người có quyền lợi liên quan có yêu cầu nhận lại.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Theo nguyên tắc khoản tiền lãi thu của người vay từ trên 20% /năm các bị cáo phải có nghĩa vụ trả lại cho người vay, tuy nhiên quá trình điều tra không xác định được địa chỉ của họ; đối với những người đã xác định địa chỉ thì không yêu cầu trả lại hoặc Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng không đến phiên tòa nên không có cơ sở giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng có yêu cầu trả lại số tiền thu lợi bất chính vượt 20%/năm (13 người) thì cần buộc các bị cáo Nguyễn Minh Đ và Vũ Đ T phải trả lại cho họ theo qui định pháp luật; đối với những người còn lại vắng mặt đã triệu tập nhiều lần không đến làm việc; sau này có yêu cầu sẽ giải quyết theo qui định pháp luật dân sự.

Số tiền thu lợi bất chính còn lại của các bị cáo cần tịch thu sung Ngân sách Nhà nước theo qui định pháp luật.

[8]. Về xử lý vật chứng: Cần áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự để tịch thu sung quỹ Nhà nước và tiêu hủy những vật, tài sản bị cáo dùng làm công cụ, phương tiện phạm tội như sau:

- Tịch thu sung công nhà nước công cụ, phương tiện phạm tội và tiền, tài sản do phạm tội mà có, gồm:

+ 01 xe mô tô biển số: 75F1-184.22, màu đen-bạc, số máy: C52E: 4462061, số khung: 215CY-305370 có chủ sở hữu đứng tên Trần Thị Mỹ Lan, sinh năm 1969, trú tại: 59 Phạm Đình Hổ, phường Thuận lộc, thành phố Huế.

+ 01 điện thoại Iphone Imei 358369065563345,

+ 01 (Một) điện thoại Iphone 7 số Imei 359212071238701,

+ 01 điện thoại Iphone 7 số Imei 355841080557695,

+ 01 điện thoại HUAWEI màu đen, model: ANE-LX1,

+ 01điện thoại Iphone 8 Plus màu đen,

+ 01 xe mô tô Wave biển số: 75H7-0401 màu xanh, số máy: HC09E-0408490, số khung: HC09013Y-408350 có chủ sở hữu đứng tên Phan Nhật Minh, cùng giấy chứng nhận đăng ký xe mang tên Phan Nhật Minh, trú tại: Tổ 24, KV5, phường Vỹ dạ, thành phố Huế.

+ Số tiền 12.400.000đ (Mười hai triệu bốn trăm nghìn đồng); gồm số tiền 9.450.000đ (Chín triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng) thu giữ từ Nguyễn Minh Đ (tại mục 22) và số tiền 2.950.000đ (Hai triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng) thu giữ từ Cao Huy T (tại mục 10).

- Tịch thu tiêu hủy vật chứng không có giá trị, gồm:

+ 03 bản photocoppy sổ hộ khẩu đứng tên Trần Thị Mão, Lê Thị Lòng và Đặng Thị Liên,

+ 02 tờ giấy mượn tiền ghi bên mượn Trần Thị Thu và Trần Minh Tuấn,

+ 01 bản photocoppy CMND tên Phạm Thị Ngọc Loan,

+ 01 con dao màu đỏ, phần lưỡi có ghi V105B.

- Trả lại cho chủ sở hữu, gồm:

+ 01 sổ hộ khẩu đứng tên Nguyễn Văn Sơn, SN 1989, thôn Pahy, xã Hồng Hạ, huyện A lưới;

+ 01 sổ hộ khẩu đứng tên Lê Bá Quốc Tuấn, SN 1987, 89C Bà Triệu, Xuân Phú, thành phố Huế;

+ 01 giấy khai sinh tên Nguyễn Trần Vân Khánh-02/9/2014;

+ 01 giấy khai sinh tên Nguyễn Trần Anh Quốc – 12/12/2017;

+ 01 Chứng minh nhân dân số 191891730 tên Võ Thị Giao Linh,

+ 01 Chứng minh nhân dân 191594854 tên Lê Bá Quốc Tuấn,

+01 Chứng minh nhân dân 191429684 tên Nguyễn Thị Phương Uyên,

+ 01 Chứng minh nhân dân 191346056 tên Lê Thị Thúy

+01 Chứng minh nhân dân 192025807 tên Hoàng Thị Diễm;

- Trả lại cho các đối tượng:

+ Nguyễn Minh Đ 01 Chứng minh nhân dân;

+ Cao Huy T: 01 thẻ ngân hàng TECHCOMBANK, 01 thẻ ngân hàng VISA-TECHCOMBANK và 01 Chứng minh nhân dân;

+ Vũ Minh Hiếu 01 thẻ căn cước công dân.

Tất cả các vật chứng nêu trên có đặc điểm theo Quyết định chuyển vật chứng số 13/QĐ-VKS ngày 09/7/2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế và Biên bản giao nhận vật chứng ngày 17/9/2020 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thừa Thiên Huế và Cục thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế.

[9]. Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Minh Đ và Cao Huy T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Về tội danh:

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Minh Đ, (tên gọi khác: L) và bị cáo Cao Huy T, phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

[2] Về hình phạt:

- Áp dụng khoản 2 Điều 201; Điều 35 điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm a khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự; Xử phạt: Nguyễn Minh Đ, (tên gọi khác: Long) số tiền: **220.000.000đ** (Hai trăm hai mươi triệu đồng chẵn), về tội: "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

- Áp dụng khoản 2 Điều 201; Điều 35, điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự; điểm a khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự; Xử phạt: Cao Huy T **200.000.000đ** (Hai trăm triệu đồng chẵn), về tội: "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

[3] .Về trách nhiệm dân sự và biện pháp tư pháp:

Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47, Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự và các Điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

[3.1]. Buộc bị cáo Nguyễn Minh Đ phải nộp lại số tiền thu lợi bất chính (gồm tiền lãi vượt mức 20%/năm + tiền phí hồ sơ và xăng xe) để sung vào ngân sách nhà nước; sau khi đã trừ số tiền phải trả lại cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (09 người) có yêu cầu nhận lại; là:

[271.681.726đ + (25.450.000đ + 20.000.000đ)] – 38.330.739 đ = **278.800.987đ**
(Hai trăm bảy mươi tám triệu tám trăm nghìn chín trăm tám mươi bảy đồng).

[3.2]. Buộc bị cáo Cao Huy T phải nộp lại số tiền thu lợi bất chính, (gồm tiền lãi vượt mức 20%/năm + tiền phí hồ sơ và xăng xe), sau khi đã trừ số tiền phải trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (01 người) có yêu cầu nhận lại, để sung vào ngân sách nhà nước, là:

[226.654.397đ + (20.550.000 đ + 13.500.000đ)] – 2.290.959đ = **258.413.438đ.**

(Hai trăm năm mươi tám triệu bốn trăm mười ba nghìn bốn trăm ba mươi támđồng).

[3.3]. Buộc những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (50 người vay) phải nộp lại số tiền gốc mà các bị cáo đã cho vay nhưng chưa trả hoặc trả chưa đủ để sung công vào ngân sách nhà nước, gồm:

1. Nguyễn Thị Hậu, địa chỉ: 22/33 An Dương Vương, TP Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, số tiền: 8.511.014 đồng.

2. Nguyễn Thị Thủy Vân, địa chỉ: 20/30 kiệt 16 Duy Tân, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, số tiền: 3.687.233 đồng.

3. Dương Thị Nhi, địa chỉ: 17 Ngô Đ Kế, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, số tiền: 618.082 đồng.

4. Hoàng Thị Ngọc Oanh, địa chỉ: 26/1 Phạm Văn Đồng, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, số tiền: 549.589 đồng.

5. Phạm Thị Ngọc Loan, địa chỉ: 230 Bùi Thị Xuân, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, số tiền: 3.176.986 đồng.

6. Tôn Nữ Thị Nhung, địa chỉ: 59 Đặng Huy Trứ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, số tiền: 1.661.589 đồng.

7. Trương Thị Diệu Hằng, địa chỉ: 33 Lưu Hữu Phước, phường Vĩ Dạ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, số tiền: 3.235.616 đồng.

8. Châu Thị Đủ, địa chỉ: 5 Nguyễn Hữu Cảnh, phường An Tây, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, số tiền: 5.272.767 đồng.

9. Đặng Lê Hồng Hậu, B36 KQH Bàu Vá 2, phường Thủy Xuân, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, số tiền: 3.510.959 đồng.

10. Đặng Lê Hồng Phúc, 62 Thân Văn Nhiếp, xã Thủy Biều, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, số tiền: 726.027 đồng.

11. Đặng Thị My Ly, địa chỉ: Studio My Ly, Cầu Ngói Thanh Toàn, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế, số tiền: 826.630 đồng.

12. Dương Đ Trung, địa chỉ: 254/9 Phạm Văn Đồng, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, số tiền: 2.931.507 đồng.

13. Hoàng Thị Thu Hải, địa chỉ: Ngụy Như Kon Tum, phường Tứ Hạ, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế, số tiền: 2.358.247 đồng.

14. Huỳnh Thị Quỳnh Lưu, địa chỉ: 151 Nguyễn Chí Thanh, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, số tiền: 6.204.813 đồng.

15. Huỳnh Văn Ân, 16/1 Đặng Văn Ngữ, phường An đông, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, số tiền: 4.743.671 đồng.

16. Lê Hữu Quốc, 1/36 Dạ Lê, thị xã Hương Thủy, Thừa Thiên Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, số tiền: 370.959 đồng.

17. Lê Thái Thuận, địa chỉ: 160 Thái Phiên, 97 Nhật Lệ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, số tiền: 6.559.781 đồng.

18. Lê Thị Anh Thư, địa chỉ: 228 Phan Chu Trinh, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, số tiền: 11.842.027 đồng.

19. Lê Thị Minh Hiếu, địa chỉ: 9/230 Bùi Thị Xuân, phường Phường Đúc, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, số tiền: 552.000 đồng.

20. Lê Thị Quỳnh Phương, địa chỉ: 56 Nguyễn Khoa Chiêm, phường An tây, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, số tiền: 2.409.041 đồng.

21. Lê Thị Sen, 30/01/Bạch Đằng, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, số tiền: 3.235.699 đồng.

22. Lê Thị Thu Hà, số 09 Lê Hoàn, Tứ Hạ, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế, số tiền: 3.213.041 đồng.

23. Lê Thị Thủy, địa chỉ: xã Phú Thượng, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế, số tiền: 2.342.466 đồng.

24. Ngô Thị Hương Giang, địa chỉ: 10 Tôn Quang Phiệt, phường An đông, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, số tiền: 6.766.575 đồng.

25. Ngô Thị Mai, địa chỉ: KQH Bàu Vá 2, phường Thủy Xuân, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, số tiền: 4.995.123 đồng.

26. Nguyễn Hoàng Hạ Uyên, địa chỉ: 277 Bùi Thị Xuân, phường Phường Đúc, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, số tiền: 2.795.781 đồng.

27. Nguyễn Thị Búp, địa chỉ: 19 Kiệt 15 Hoàng Quốc Việt, phường An đông, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, số tiền: 1.081.315 đồng.

28. Nguyễn Thị Ngọc Hằng, địa chỉ: 144 Lê Thánh Tôn, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, số tiền: 9.346.685 đồng.

29. Nguyễn Thị Phương Uyên, địa chỉ: 1/4/75 Yết Kiêu, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, số tiền: 3.706.575 đồng,

30. Nguyễn Thị S, địa chỉ: 107 Lương Ngọc Quyến, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, số tiền: 364.110 đồng.

31. Nguyễn Thị Thùy Dương, địa chỉ: 13/2 Nguyễn Cư Trinh, thành phố Huế tỉnh Thừa Thiên Huế, số tiền: 2.586.438 đồng.

32. Nguyễn Thị Thùy Linh, địa chỉ: 1/10/432 Chi Lăng, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, số tiền: 3.264.658 đồng.

33. Nguyễn Tiến Long, địa chỉ: 37 xóm 3 Lại Thế, xã Phú Thượng, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế, số tiền: 499.726 đồng.

34. Phạm Đình Huy, địa chỉ: 15 Trần Quốc Toản, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, số tiền: 7.682.192 đồng.

35. Phạm Thị Ngọc Ánh, địa chỉ: 220 Nguyễn Sinh Cung, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, số tiền: 35.625.808 đồng.

36. Phạm Văn Tiến, địa chỉ: 89 Ngự Bình, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, số tiền: 8.536.685 đồng.

37. Phan Thị Vân Anh, địa chỉ: số 1 Nguyễn Khoa Vy, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, số tiền: 5.979.507 đồng.

38. Tạ Thị Hạnh, địa chỉ: Thôn Dưỡng Mong, xã Phú Mỹ, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế, số tiền: 7.731.123 đồng.

39. Trần Phước Vũ, địa chỉ: 132 Chi Lăng, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, số tiền: 14.198.904 đồng.

40. Trần Quốc Bảo, địa chỉ: 32/48 Ngự Bình, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, số tiền: 197.534 đồng.

41. Trần Thị Mai, địa chỉ: 5/7/185 Nguyễn Chí Thanh, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, số tiền: 5.632.329 đồng.

42. Trần Thị Mỹ Hảo, địa chỉ: Lô E08 KQH Hương Long, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, số tiền: 3.231.342 đồng,

43. Trần Thị Phượng, địa chỉ: 16/144 Nguyễn Trãi, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, số tiền: 878.466 đồng.

44. Trần Thị Thanh, địa chỉ: 58/2/13 Đặng Huy Trứ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, số tiền: 7.172.055 đồng.

45. Trần Thị Thu, địa chỉ: 4/152/17 Nguyễn Hữu Cảnh, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, số tiền: 3.405.589 đồng.

46. Trần Thị Thùy Trang, địa chỉ: 2/10 Võ Thị Sáu, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, số tiền: 8.927.945 đồng.

47. Trần Văn Quang, địa chỉ: 95 Nguyễn Tất Thành, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, số tiền: 8.610.411 đồng.

48. Trương Thị Hạnh, địa chỉ: 432 Chi Lăng, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, số tiền: 38.007.123 đồng.

49. Trương Thị Thương, địa chỉ: 38 Ngô Gia Tự, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, số tiền: 3.851.507 đồng.

50. Võ Thị Giao Linh, 3/36/88 Nguyễn Khoa Chiêm, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, số tiền: 2.736.767 đồng.

[3.4]. Buộc bị cáo Nguyễn Minh Đ phải trả lại tổng số tiền lãi vượt mức 20%/năm là: 38.330.739 đồng cho những người vay (09 người) có yêu cầu được nhận lại, gồm:

1. Đặng Thị Cúc, địa chỉ: Lô D2 Khu Định Cư Phú Hiệp, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, số tiền: 5.686.301đồng.

2. Đỗ Hoàng Lai, địa chỉ: 245 Bùi Thị Xuân, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, số tiền: 1.696.219 đồng.

3. Lê Bá Quốc Tuấn, địa chỉ: Quán 89c Bà Triệu, phường Xuân Phú, thành phố Huế (hoặc 54 Tố Hữu, phường Xuân Phú, thành phố Huế), tỉnh Thừa Thiên Huế, số tiền: 10.421.918 đồng.

4. Lê Thị Hồng Minh, địa chỉ: 15/2 Văn Cao, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, số tiền: 7.427.726 đồng.

5. Nguyễn Xuân Lam, địa chỉ: 10/10 Hải Triều, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, số tiền: 2.973.973 đồng.

6. Phạm Thị Giao Tiên, địa chỉ: Tổ 14 Khu Vực 5, phường Vĩ Dạ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, số tiền: 895.397 đồng.

7. Phạm Thị Túy, địa chỉ: Kiệt 106 Minh Mạng, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, số tiền: 1.646.027 đồng.

8. Tôn Thất Đệ, địa chỉ: 52 Minh Mạng, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, số tiền: 7.511.233 đồng.

9. Phan Vũ Thúy Diễm, địa chỉ: 228 Phan Chu Trinh, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, số tiền: 71.945 đồng.

[3.5]. Buộc Cao Huy T phải trả lại cho người vay (01 người) yêu cầu được nhận lại, cụ thể:

- Bà: Trần Thị Hương, địa chỉ: xã Hương Xuân, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế, số tiền: 2.290.959 đồng.

- Đối với những người vay còn lại yêu cầu được nhận lại, gồm:

1. Nguyễn Thị Thu Vân, địa chỉ: 252 Bạch Đằng, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, số tiền: 1.145.479 đồng.

2. Phan Văn Ly, địa chỉ: 9/48 Phùng Khắc Khoan, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, số tiền: 2.084.384 đồng.

3. Trần Thị Thanh Lý, địa chỉ: 3/64 Bà Triệu, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, số tiền: 10.027.397 đồng.

Do bị can Hoàng Mạnh S bỏ trốn đang bị truy nã hiện nay chưa bắt được, và những người này nhiều lần Tòa án triệu tập nhưng đều vắng mặt không có lý do, nên cần tách ra để giải quyết theo qui định pháp luật.

[4] Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, tuyên xử:

[4.1]. Tịch thu sung công nhà nước công cụ, phương tiện phạm tội và tiền, tài sản do phạm tội mà có, gồm:

+ 01 xe mô tô biển số: 75F1-184.22, màu đen-bạc, số máy: C52E: 4462061, số khung: 215CY-305370 có chủ sở hữu đứng tên Trần Thị Mỹ Lan, sinh năm 1969, trú tại: 59 Phạm Đình Hổ, phường Thuận lộc, thành phố Huế.

+ 01 điện thoại Iphone Imei 358369065563345,

+ 01 (Một) điện thoại Iphone 7 số Imei 359212071238701,

+ 01 điện thoại Iphone 7 số Imei 355841080557695,

+ 01 điện thoại HUAWEI màu đen, model: ANE-LX1,

+ 01điện thoại Iphone 8 Plus màu đen,

+ 01 xe mô tô Wave biển số: 75H7-0401 màu xanh, số máy: HC09E-0408490, số khung: HC09013Y-408350 có chủ sở hữu đứng tên Phan Nhật Minh, cùng giấy chứng nhận đăng ký xe mang tên Phan Nhật Minh, trú tại: Tổ 24, KV5, phường Vỹ dạ, thành phố Huế.

+ Số tiền 12.400.000đ (Mười hai triệu bốn trăm nghìn đồng); gồm số tiền 9.450.000đ (Chín triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng) thu giữ từ Nguyễn Minh Đ (tại mục 22) và số tiền 2.950.000đ (Hai triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng) thu giữ từ Cao Huy T (tại mục 10).

[4.2]. Tịch thu tiêu hủy vật chứng không có giá trị, gồm:

+ 03 bản photocoppy sổ hộ khẩu đứng tên Trần Thị Mão, Lê Thị Lòng và Đặng Thị Liên,

+ 02 tờ giấy mượn tiền ghi bên mượn Trần Thị Thu và Trần Minh Tuấn,

+ 01 bản photocoppy CMND tên Phạm Thị Ngọc Loan,

+ 01 con dao màu đỏ, phần lưỡi có ghi V105B.

[4.3]. Trả lại cho chủ sở hữu, gồm:

+ 01 sổ hộ khẩu đứng tên Nguyễn Văn Sơn, SN 1989, thôn Pahy, xã Hồng Hạ, huyện A lưới;

+ 01 sổ hộ khẩu đứng tên Lê Bá Quốc Tuấn, SN 1987, 89C Bà Triệu, Xuân Phú, thành phố Huế;

+ 01 giấy khai sinh tên Nguyễn Trần Vân Khánh-02/9/2014;

+ 01 giấy khai sinh tên Nguyễn Trần Anh Quốc – 12/12/2017;

+ 01 Chứng minh nhân dân số 191891730 tên Võ Thị Giao Linh,

+ 01 Chứng minh nhân dân 191594854 tên Lê Bá Quốc Tuấn,

+01 Chứng minh nhân dân 191429684 tên Nguyễn Thị Phương Uyên,

+ 01 Chứng minh nhân dân 191346056 tên Lê Thị Thúy

+01 Chứng minh nhân dân 192025807 tên Hoàng Thị Diễm;

[4.4]. Trả lại cho các đối tượng:

+ Nguyễn Minh Đ 01 Chứng minh nhân dân;

+ Cao Huy T: 01 thẻ ngân hàng TECHCOMBANK, 01 thẻ ngân hàng VISA-TECHCOMBANK và 01 Chứng minh nhân dân;

+ Vũ Minh Hiếu 01 thẻ căn cước công dân.

Tất cả các vật chứng nêu trên có đặc điểm theo Quyết định chuyển vật chứng số 13/QĐ-VKS-P1 ngày 09/7/2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế và Biên bản giao nhận vật chứng ngày 17/9/2020 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thừa Thiên Huế và Cục thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế.

[5] Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Minh Đ và Cao Huy T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho các bị cáo biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:
- TANDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh TT-Huế;
- CQ CSĐT Công an tỉnh TT-H;
- CQ THAHS CA tỉnh TT-Huế;
- Sở Tư pháp tỉnh TT - Huế;
- Cục THADS tỉnh TT - Huế;
- Bị cáo;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu: Tòa HS, VP, Tổ HCTP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Văn Thanh

Nơi nhận:
- TANDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh TT - Huế;
- CQ CSĐT Công an tỉnh TT-H;
- CQ THAHS CA tỉnh TT-Huế;
- Sở Tư pháp tỉnh TT - Huế;
- Cục THADS tỉnh TT - Huế;
- Bị cáo;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu: Tòa HS, VP, Tổ HCTP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Văn Thanh